Chi tiết mã HS 4906.00.00

Mã HS	4906.00.00
Mô tả hàng hóa	Các loại sơ đồ và bản vẽ cho kiến trúc, kỹ thuật, công nghiệp, thương mại, địa hình hoặc các mục đích tương tự, là bản gốc vẽ tay; văn bản viết tay; các bản sao chụp lại bằng giấy có phủ lớp chất nhạy và bằng giấy than của các loại kể trên
Đơn vị	kg/cuốn
Thời điểm tạo	07/11/2026 16:49:18
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/49060000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7765
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7765
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7765
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7487
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7440
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7440
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7440
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7440
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7440
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7440
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7490
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7490
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7490

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7490
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7490
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7490
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7491
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7491
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7491
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7491
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7491
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7491
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7492
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7446
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7454
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7454
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7454
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7454
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7454
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7454
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7476
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7476
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7476
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7476
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7476
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7476
VCFTA	2022	2022	0	VC!D7522
VCFTA	2023	2023	0	VC!E7522
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7522

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7522
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7522
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7522
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D7502
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E7502
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F7502
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G7502
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H7502
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I7502
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7515
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7515
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7515
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7515
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7515
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7515
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7519
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7519
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7519
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7519
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7519
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7519
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7520
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7520
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7520
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7520
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7520

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7520
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7470
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7470
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7470
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7470
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7470
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7470
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7470
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7507
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7507
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7507
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7507
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7507
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7507
RCEP B	2022	2022	0	B!D7507
RCEP B	2023	2023	0	B!E7507
RCEP B	2024	2024	0	B!F7507
RCEP B	2025	2025	0	B!G7507
RCEP B	2026	2026	0	B!H7507
RCEP B	2027	2027	0	B!I7507
RCEP C	2022	2022	0	C!D7507
RCEP C	2023	2023	0	C!E7507
RCEP C	2024	2024	0	C!F7507
RCEP C	2025	2025	0	C!G7507
RCEP C	2026	2026	0	C!H7507
RCEP C	2027	2027	0	C!I7507

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D7507
RCEP D	2023	2023	0	D!E7507
RCEP D	2024	2024	0	D!F7507
RCEP D	2025	2025	0	D!G7507
RCEP D	2026	2026	0	D!H7507
RCEP D	2027	2027	0	D!I7507
RCEP E	2022	2022	0	E!D7510
RCEP E	2023	2023	0	E!E7510
RCEP E	2024	2024	0	E!F7510
RCEP E	2025	2025	0	E!G7510
RCEP E	2026	2026	0	E!H7510
RCEP E	2027	2027	0	E!I7510
RCEP F	2022	2022	0	F!D7507
RCEP F	2023	2023	0	F!E7507
RCEP F	2024	2024	0	F!F7507
RCEP F	2025	2025	0	F!G7507
RCEP F	2026	2026	0	F!H7507
RCEP F	2027	2027	0	F!I7507
VIFTA	2024	2024	0	VI!F6942
VIFTA	2025	2025	0	VI!G6942
VIFTA	2026	2026	0	VI!H6942
VIFTA	2027	2027	0	VI!I6942

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4906.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 4906.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7765), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.